

Bản án số: 524/2025/HNGĐ-ST;

Ngày: 21/5/2025.

V/v xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Tốt.
- Ông Nguyễn Văn Tiên.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Khôi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1276/2024/HNST ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 267/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 483/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21/4/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị N**, sinh năm: 1988.

Thường trú: 50/2 Ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Nơi cư trú: 106 Lô A, chung cư A, Khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Minh S**, sinh năm: 1980.

Thường trú: Ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Nơi cư trú: 106 Lô A, chung cư A, Khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:

Bà Lê Thị N và ông Lê Minh S kết hôn vào ngày 15/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Trong quá trình sống chung bà N và ông S không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, không tìm được tiếng nói chung. Cuộc sống rất mệt mỏi, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay bà N làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Lê Gia H, sinh ngày 08/6/2015.

Bà Lê Thị N đề nghị Tòa án giao con cho bà nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Lê Minh S cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Lê Thị N yêu cầu được ly hôn với ông Lê Minh S. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bị đơn đang cư trú tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Lê Thị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Lê Minh S đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, S liệu do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở pháp lý để kết luận:

***Về quan hệ hôn nhân:**

Bà Lê Thị N và ông Lê Minh S tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 15/9/2014 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61/2014, Quyền số 01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Theo lời bà N trình bày thì trong quá trình sống chung bà N và ông S không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, không tìm được tiếng nói chung. Cuộc sống rất mệt mỏi, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà N và ông S đã ly thân từ năm 2022.

Theo xác minh tại chính quyền địa phương thì bà Lê Thị N và ông Lê Minh S trong quá trình sinh sống tại địa phương rất kín tiếng nên địa phương không có ghi nhận được việc cự cãi hay có mâu thuẫn gì; bà Lê Thị N không còn sinh sống tại địa chỉ 106 lô A chung cư A, khu phố D, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh từ lâu.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình cảm vợ chồng giữa bà N và ông S đã thực sự có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình hòa giải, Tòa án đã tiến hành mời cả hai đến hòa giải nhưng ông S không đến và không có lý do và bà N có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Bà N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và yêu cầu Tòa án giải quyết theo những yêu cầu bà đã trình bày trong đơn khởi kiện và bản tự khai. Do đó, tình cảm của bà N và ông S đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng và không thể hàn gắn được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Lê Thị N được ly hôn với ông Lê Minh S.

***Về con chung:** Có 01 con chung tên là Lê Gia H (sinh ngày 08/6/2015). Bà N yêu cầu được nuôi con chung. Mặt khác, theo nguyện vọng của cháu Lê Gia H mong muốn được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu H là con gái nên giao cho mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ tạo điều kiện giúp cho cháu phát triển về tâm sinh lý tốt hơn nên Hội đồng xét xử giao con chung cho bà N trực tiếp chăm sóc và cấp dưỡng.

Bà N không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông S cho đến khi các bên có yêu cầu.

***Về tài sản chung, nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về án phí ly hôn:** Bà Lê Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 27, 33, 35, 131, 179, 199, 202, 208, 236, 238, 239 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị N được ly hôn ông Lê Minh S.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên là Lê Gia H (sinh ngày 08/6/2015).

Giao con chung cho bà Lê Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Lê Minh S.

Vì lợi ích của con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm:

Buộc bà Lê Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Bà N đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí khi nộp đơn xin ly hôn theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0049533 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12. Bà N đã nộp đủ án phí.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TANDTPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thu Hương